

Số: /BC-STTTT

Đắk Nông, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác thanh tra Quý III năm 2024

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 15/6/2024 - 14/9/2024)

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-TTCP, ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Thực hiện Công văn số 807/TTr-P1, ngày 09/9/2024 về đơn đốc báo cáo kết quả công tác Quý III và 09 tháng đầu năm 2024.

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra hành chính (số liệu tại các biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 02/QLNN)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ, số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang, số cuộc triển khai trong kỳ, số cuộc theo kế hoạch, số cuộc đột xuất: Không.

b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra; trong đó số cuộc chậm ban hành kết luận thanh tra: Không

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): Không

- Phát hiện vi phạm: Không

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản quy thành tiền được phát hiện có vi phạm: Không

- Kiến nghị xử lý vi phạm: Không

+ Xử lý về kinh tế: Thu hồi về ngân sách nhà nước và xử lý khác về kinh tế: Không.

+ Xử lý trách nhiệm: Xử lý hành chính (số tổ chức, cá nhân kết luận kiến nghị kiểm điểm làm rõ trách nhiệm), kiến nghị xử lý hình sự (số vụ, số đối tượng chuyển cơ quan điều tra): Không

- Kiến nghị hoàn thiện (thêm mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ) cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: Không

- Kiến nghị khác (nếu có). Không.

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr)

- Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo (tổng số; trong đó có số kết luận được kiểm tra trực tiếp): Không

- Tiến độ thực hiện kết luận: Số kết luận đã hoàn thành, số kết luận chưa hoàn thành việc thực hiện: Không

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Về kinh tế, về trách nhiệm (xử lý hành chính, chuyên cơ quan điều tra), về hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: Không

d) Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN): Không

- Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thanh tra; số cuộc đã ban hành kết luận: Không

- Kết quả thanh tra:

+ Số đơn vị được thanh tra: Không

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra: Không

+ Kiến nghị xử lý hành chính, chuyên cơ quan điều tra; kiến nghị xử lý về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): Không

- Kết quả thực hiện kết luận thanh tra:

+ Tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm phải thực hiện: Không

+ Kết quả thực hiện các kiến nghị về trách nhiệm (hành chính, hình sự); về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): Không

2. Thanh tra chuyên ngành (Biểu số 06/TTr, 07/TTr)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện (số cuộc theo kế hoạch): Ban hành 01 Quyết định kiểm tra theo kế hoạch trong quý III; thực hiện kiểm tra trong tháng 9.

- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu: Lĩnh vực Bưu chính

- Số cuộc đã ban hành kết luận: Ban hành 08 Kết luận kiểm tra.

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra (đã ban hành kết luận): 08 Kết luận kiểm tra.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm qua kiểm tra: Không

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua kiểm tra:

+ Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi (về ngân sách nhà nước, về tổ chức, đơn vị); số tiền kiến nghị xử lý khác: Không

+ Về xử lý vi phạm: Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành (đối với tổ chức, cá nhân); số tiền xử phạt vi phạm hành chính (của tổ

chức, của cá nhân); xử phạt bằng hình khác (số tổ chức, cá nhân); chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng): Không

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (số tiền vi phạm đã thu hồi; số tiền vi phạm đã xử lý khác): Không

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính (số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu; số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác): Không

- Xử lý hình sự: Số vụ, số đối tượng đã khởi tố: Không

3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN)

- Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: Không

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia: Không

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá về kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra: Về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra (số cuộc hoàn thành, số cuộc theo kế hoạch, số cuộc chậm ban hành kết luận thanh tra); về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan: Không.

2. Đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra.

- Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra: Không

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra: Sở đã thực hiện việc tuyên truyền trên Trang TTĐT của Sở và cử công chức làm công tác thanh tra dự Hội nghị, tập huấn do Thanh tra tỉnh triệu tập.

- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra: Quý III không có.

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có): Không

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành. Đúng quy định.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra: Không

4. Nguyên nhân của những kết quả, của tồn tại, hạn chế (chủ quan, khách quan): Không

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) TRONG KỲ TIẾP THEO

1. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về dịch vụ bưu chính KT1 và kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg, ngày 19/10/2016 của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính không thuộc dịch vụ bưu chính công ích năm 2024.

3. Kiểm tra hàng năm của Đội liên ngành Phòng, chống in lậu.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu ban hành mới, hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật còn sơ hở, bất cập phát hiện qua thanh tra (nêu rõ cụ thể văn bản và nội dung kiến nghị); Không

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra (nếu có vướng mắc): Không

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra: Không

Trên đây là Báo cáo công tác thanh tra Quý III năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (T/hợp);
- Ban Giám đốc;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTra.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thương

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày /9/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ			Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra	Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra	Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính					Chuyển cơ quan điều tra			
	Tổng số	Phân loại					Số tổ chức, cá nhân			Số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Quyết định xử phạt hành chính được ban hành				Bảng tiền		Bảng hình thức khác									
		Kế hoạch	Đột xuất				Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức			Cá nhân	Vụ
MS	1=2+3 =4+5+ 6	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+ 12=13+ 16	11	12	13=14 +15	14	15	16	17=18 +19	18	19	20= 21+22	21	22	23=2 4+25	24	25	26	27	
Tổng	01	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Trong Quý III, ban hành Quyết định số 111/QĐ-STTTT, ngày 17/7/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về dịch vụ bưu chính KT1 và kết quả thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg, ngày 19/10/2016 của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. (tiến hành kiểm tra cuối tháng 9/2024, báo cáo kết quả Quý IV).

